

KHẢ QUAN - Giá mục tiêu 1 năm: 40.500 đồng/cp

Giá cổ phiếu (Ngày 04/04/2023): 37.050 đồng/cp

Nguyễn Hoàng Giang, CFA

giangnh@ssi.com.vn

+84 – 24 3936 6321 ext. 8703

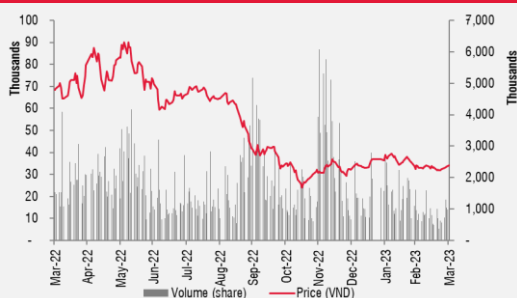
Ngày 04/04/2023

NGÀNH LOGISTICS

Các chỉ số chính

Giá trị vốn hoá (triệu USD):	103
Giá trị vốn hoá (tỷ VND):	2.406
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	70
Giá Cao/thấp nhất trong 52 tuần ('000 VND)	92,9/22,4
KLGD trung bình 3 tháng (cp)	1.222.409
KLGD trung bình 3 tháng (triệu USD)	1,84
KLGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng)	43,23
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	9,88
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%)	0

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Thông tin cơ bản về công ty

HAH được thành lập năm 2009, là công ty điều hành cảng Hải An tại Hải Phòng. Mạng lưới logistic đã từng bước được mở rộng với 3 nhánh chính: Khai thác cảng, Vận tải và Depot & Logistics. Công ty đặt mục tiêu sở hữu một mạng lưới logistics tích hợp hoàn chỉnh tại Việt Nam. Hiện tại, Hải An chủ yếu hiện diện ở miền Bắc, với cảng Hải An ở Hải Phòng và Depot PAN - HAIAN ở khu vực Đình Vũ ở Hải Phòng. Mục tiêu những năm tới là mở rộng mạng lưới logistics ở miền Trung và miền Nam.

Những thách thức vĩ mô có thể tiếp tục kéo dài

Luận điểm đầu tư

Lợi nhuận tiếp tục trở về mức bình thường sau chu kỳ tăng trưởng với LNST của cổ đông công ty mẹ (NPATMI) giảm 21% so với quý trước và giảm 16% svck, theo đó, chúng tôi điều chỉnh giảm dự báo lợi nhuận năm 2023 xuống 24%. Lạm phát cao kéo dài và tình trạng tồn kho quá mức cần thêm một thời gian nữa để khắc phục, do đó, khối lượng vận chuyển dự kiến sẽ vẫn yếu trong nửa đầu năm 2023, trước khi có thể cải thiện từ nửa cuối năm 2023.

Chúng tôi hạ khuyến nghị xuống **KHẢ QUAN** từ MUA đối với cổ phiếu HAH với P/E mục tiêu điều chỉnh xuống 6x và giá mục tiêu 1 năm điều chỉnh là **40.500 đồng/cổ phiếu** (tiềm năng tăng giá khoảng 9,3%). Chúng tôi cho rằng mặc dù triển vọng lợi nhuận có thể kém khả quan trong ngắn hạn, nhưng nhìn chung toàn ngành đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất, với giá cho thuê phục hồi gần đây. Chúng tôi kỳ vọng động lực của ngành trong nửa cuối năm 2023 sẽ được cải thiện, điều này có thể tạo cơ sở tốt cho thị trường định giá lại đối với ngành.

Trong ngắn hạn, tăng trưởng lợi nhuận âm trong Q1/2023 có thể là yếu tố gây áp lực lên giá cổ phiếu, nhưng chúng tôi cho rằng điều này đã được thị trường phản ánh.

Bảng chỉ tiêu tài chính

(VND bn)	2019	2020	2021	2022	2023F
Doanh thu thuần	1.109	1.192	1.955	3.206	2.385
Tăng trưởng svck	5,2%	7,5%	64,1%	63,9%	-25,6%
EBITDA	290	331	858	1.608	1.239
EBIT	173	194	694	1.330	974
LNTT	156	170	662	1.272	852
NPATMI	121	138	446	822	550
Tăng trưởng svck	-10,2%	13,9%	222,1%	84,5%	-33,0%
EPS (VND)	2.417	2.801	8.767	11.217	7.511
BVPS (VND)	20.658	22.551	31.809	32.853	39.364
ROA	7,6%	7,5%	20,7%	25,1%	12,8%
ROE	10,7%	11,3%	34,0%	43,5%	21,9%
Ng/VCSH	0,26	0,34	0,42	0,46	0,5
P/E	4,9	6,39	7,73	2,88	4,51
P/B	0,57	0,79	2,13	0,98	0,86
EV/EBITDA	2,06	3,04	4,11	1,89	2,54

Nguồn: HAH, SSI Research

KQKD Q4/2022

(tỷ đồng)	4Q22	4Q21	YoY	3Q22	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	TSLN			
							4Q22	4Q21	3Q22	2021
Doanh thu thuần	845	671	26%	779	9%	134%				
Lợi nhuận gộp	271	337	-20%	377	-28%		32,0%	50,1%	48,4%	36,5%
Lợi nhuận hoạt động	245	331	-26%	359	-32%		29,0%	49,3%	46,1%	34,2%
EBIT	253	333	-24%	348	-28%		29,9%	49,6%	44,7%	35,5%
EBITDA	331	383	-14%	427	-23%		39,1%	57,0%	54,9%	43,9%
LNTT	232	324	-28%	334	-31%		27,4%	48,2%	42,9%	33,9%
Lợi nhuận ròng	190	267	-29%	274	-31%		22,4%	39,7%	35,2%	28,2%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	171	203	-16%	218	-21%	151%	20,3%	30,3%	28,0%	22,8%

Nguồn: SSI Research

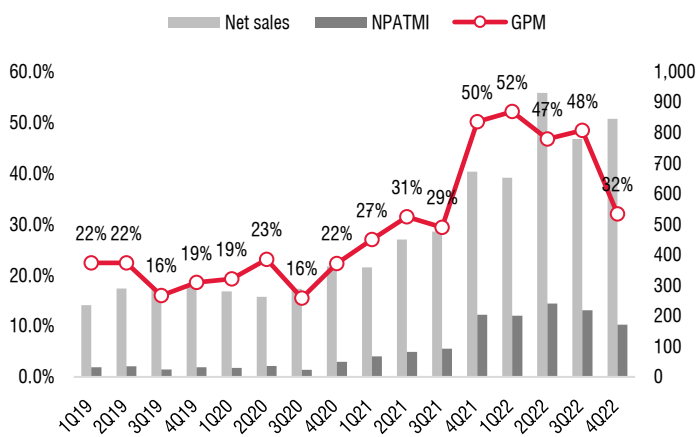
Doanh thu trong Q4 cao hơn 9% so với Q3/2022, mặc dù NPATMI giảm 21% so với quý trước và giảm 16% svck. Tỷ suất lợi nhuận giảm đáng kể, cụ thể tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 32% trong Q4/2022 so với mức 50% trong Q4/2021 và 48% trong Q3/2022. NPATMI đạt 822 tỷ đồng (+84% svck), vượt 51% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Khối lượng vận chuyển giảm 10% svck trong Q4/2022, điều này bị ảnh hưởng từ nhu cầu yếu do không có mùa vận chuyển cao điểm trong nửa cuối năm 2022 và tồn kho ở mức cao. Chúng tôi cũng lưu ý rằng khối lượng liên quan đến thị trường Trung Quốc đã bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch COVID-19 bùng phát nghiêm trọng trong thời gian đó. Điều này dẫn đến giá cước vận chuyển giảm đáng kể so với mức trước COVID. Tuy nhiên, doanh thu vẫn tăng 22% svck nhờ doanh thu cho thuê tàu tăng lên. Lợi nhuận gộp của mảng này giảm 33% svck và giảm 36% so với quý trước, do khả năng sinh lời của mảng này trong nước vẫn thấp do sản lượng và giá cước giao ngay thấp hơn trong khi chi phí nhiên liệu cao hơn.

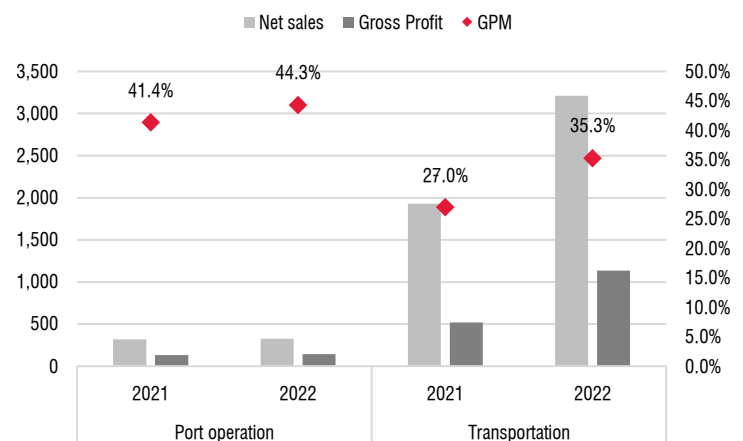
Sản lượng khai thác cảng giảm 5% svck. Lợi nhuận gộp của mảng này giảm 3% svck do tỷ suất lợi nhuận gộp vẫn ở mức cao 42% trong Q4/2022 so với 40% trong Q4/2021.

KQKD theo quý của HAH (tỷ đồng)

Cơ cấu theo mảng hoạt động (tỷ đồng)



Nguồn: SSI Research



Nguồn: SSI Research

Các cập nhật mới

- **Liên doanh ZIM – Hải An (HAH sở hữu 51% cổ phần) được thành lập với thương hiệu Lotus Link và bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 3.** ZIM là hãng vận tải container lớn thứ 10 về thị phần. Liên doanh ZIM – Hải An chọn Đông Nam Á là khu vực dịch vụ đầu tiên, với các cảng dự kiến qua tuyến HPH-HCM-PKL-HCM-HPH, với hai tàu 1100 TEU được triển khai chạy hàng tuần - HaiAn Link và TC Symphony. Liên doanh ZIM – Hải An dự kiến sẽ mở tuyến dịch vụ thứ hai (kéo dài đến Đông Bắc Á) vào cuối năm nay.
- **Cập nhật đội tàu HAH:** Đội tàu hiện tại gồm có 11 tàu, với tổng công suất 16.000 TEU. Hợp đồng cho thuê tàu HaiAn City kết thúc vào tháng 2 và HAH quay trở lại phục vụ tuyến nội địa, trong khi HaiAn East và HaiAn Bell ký hợp đồng ngắn hạn mới với mức giá từ 12.000 – 14.0000 USD/ngày. Hiện tại có 4 tàu đang khai thác tuyến nội địa và Nam Trung Quốc, 7 tàu đang ký hợp đồng cho thuê tàu với doanh thu 150.000 USD/ngày ở tất cả các hợp đồng thuê tàu.

HAH: Đội tàu container

STT	Tên tàu	Thời gian bàn giao	Sức chở (TEU)	Trạng thái hiện tại
1	HaiAn Park	2014	787	Khai thác các tuyến nội địa và Nam Trung Quốc
2	HaiAn Time	2015	1.032	Khai thác các tuyến nội địa và Nam Trung Quốc
3	HaiAn Bell	2017	1.200	Theo Hợp đồng thuê tàu
4	HaiAn Link	2018	1.060	Cho thuê Lotus Link
5	HaiAn Mind	2019	1.794	Theo Hợp đồng thuê tàu
6	HaiAn View	2020	1.577	Khai thác các tuyến nội địa và Nam Trung Quốc
7	HaiAn East	2021	1.702	Theo Hợp đồng thuê tàu
8	HaiAn West	2021	1.740	Theo Hợp đồng thuê tàu
9	HaiAn City	2022	1.577	Hợp Khai thác các tuyến nội địa và Nam Trung Quốc
10	Anbien Bay	2022	1.708	Theo Hợp đồng thuê tàu
11	Haian Rose	2022	1.708	Theo Hợp đồng thuê tàu
	4 tàu đang đóng mới	2023-24	1.800	Bàn giao từ tháng 10 năm 2023

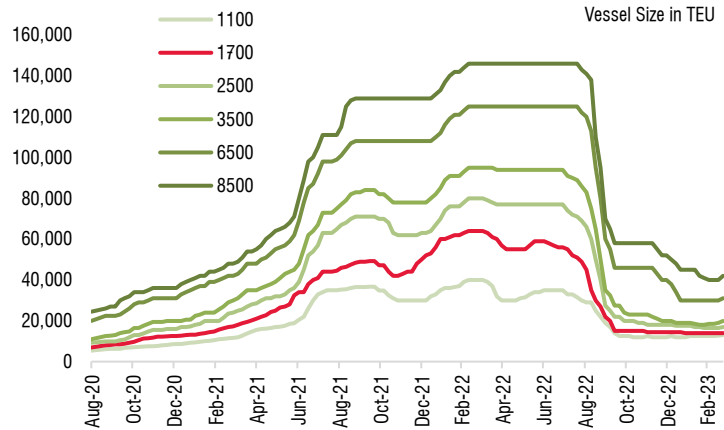
Nguồn: HAH, SSI Research

- **Kế hoạch năm 2023:** HAH công bố kế hoạch lợi nhuận thận trọng cho năm 2023, theo đó sản lượng sẽ không đổi và NPATMI sẽ giảm 40% svck.

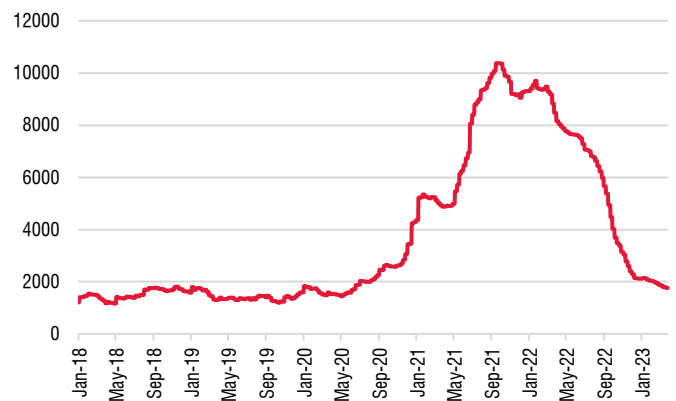
	Trọng tải	2021	2022	% YoY	Kế hoạch 2023	% YoY
Tổng khối lượng	TEU	1.012.455	1.001.317	-1,1%		0,5%
Cảng	TEU	416.779	417.278	0,1%	418.000	0,2%
Vận tải	TEU	474.062	391.761	-17,4%	396.000	1,1%
Depot	TEU	121.614	192.278	58,1%	192.000	-0,1%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.955.301	3.205.610	63,9%	2.959.000	-7,7%
NPATMI	Triệu đồng	445.513	821.937	84,5%	492.000	-40,1%

Nguồn: HAH, SSI Research

- **Phát hành trái phiếu chuyển đổi:** HAH sẽ xin ý kiến cổ đông tại ĐHCĐ về việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 500 tỷ đồng với thời hạn 4-5 năm và lãi suất 6%/năm. Số tiền thu được sẽ được sử dụng để đầu tư đội tàu.
- **Cập nhật thị trường vận tải container:** Giá cước giao ngay tiếp tục giảm trong năm 2023, giảm 17% so với đầu năm và ở mức trước COVID. Tuy nhiên, tốc độ suy giảm gần đây đã chững lại. Chúng tôi cũng lưu ý rằng giá cho thuê tàu đã ổn định trong những tháng gần đây và thậm chí bắt đầu tăng ở các tàu kích cỡ khác nhau – điều này cho thấy dấu hiệu tích cực trên thị trường vận tải biển.

Giá thuê tàu container theo cỡ tàu (USD/ngày)

Nguồn: Harper Petersen, SSI Research

Chỉ số container thế giới

Nguồn: Drewry, SSI Research

Triển vọng và ước tính lợi nhuận

Những thách thức của nền kinh tế vĩ mô có thể tiếp tục kéo dài. Bước sang năm 2023, giai đoạn mà dịch COVID-19 dần được đẩy lùi, các quốc gia (bao gồm cả Trung Quốc) đang tiến hành mở cửa lại biên giới và tình trạng tắc nghẽn cảng không còn là vấn đề nhức nhối đối với chuỗi cung ứng toàn cầu. Tuy nhiên, tình trạng lạm phát cao kéo dài đang làm giảm niềm tin của người tiêu dùng và hàng tồn kho cao là những thách thức cho hoạt động vận tải. Vấn đề này khó có thể được giải quyết trong một sớm một chiều. Sản lượng vận chuyển dự kiến sẽ tăng trong nửa cuối năm 2023, tuy nhiên sẽ khó lập lại sự bùng nổ như năm 2021. Mặt khác, áp lực gia tăng từ nguồn cung tàu mới sẽ khiến thị trường dư cung và khiến giá cước giảm.

Tập trung vào thị trường cho thuê tàu và các tuyến quốc tế. Như đã đề cập trong báo cáo trước, chúng tôi cho rằng HAH sẽ ưu tiên cho thuê tàu thay vì trực tiếp vận hành trong giai đoạn thị trường nội địa dư cung. Vì giá thuê tàu đã chạm đáy ở mức 14.000 USD/ngày đối với tàu cỡ 1700 TEU, nên mức giá thuê này giúp các tàu của HAH duy trì lợi nhuận - ngay cả với những tàu cho chi phí đắt hơn nhiều. Hơn nữa, việc mở rộng thị trường quốc tế với Liên doanh ZIM – Hải An sẽ mang lại cho HAH sự đa dạng hóa để thoát khỏi tình trạng dư cung trong thị trường nội địa. Tuy nhiên, các dịch vụ mới có thể hoạt động dưới mức hòa vốn trong khoảng từ 3 đến 6 tháng trước khi có lãi.

Các giả định chính đối với dự báo của chúng tôi như sau:

- Sản lượng dự kiến không có tăng trưởng trong năm 2023.
- Giá cước vận tải nội địa trở lại mức trước Covid, hay giảm 50% từ mức bình quân năm 2022.
- Giá dầu nhiên liệu có thể giảm 25% svck.
- Trong số 11 tàu, bốn tàu có khả năng sẽ hoạt động trên các tuyến nội địa và Trung Quốc và bảy tàu có khả năng sẽ được cho thuê. Trong đó, sẽ có 1 tàu có giá cho thuê là 40.000 USD/ngày đến hết năm 2024, 2 tàu có giá cho thuê là 32.000 đồng/ngày đến hết năm 2023, còn lại ở mức 14.000-15.000 USD/ngày.
- Liên doanh Zim – Hải An có thể lỗ nhẹ trong năm 2023 (năm đầu tiên đi vào hoạt động).

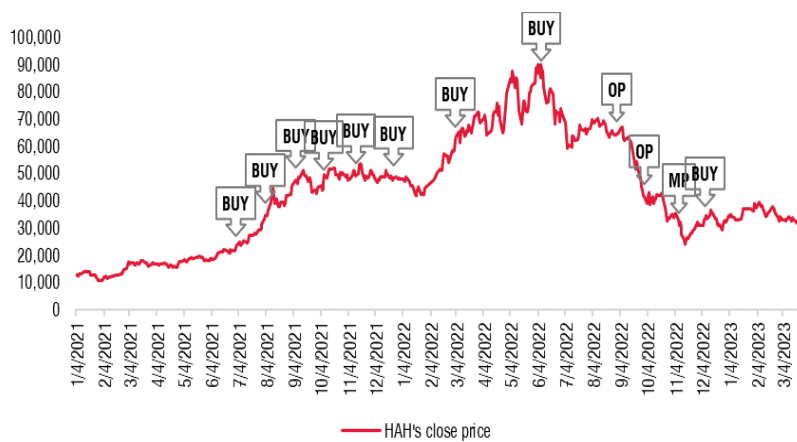
Với những giả định trên, chúng tôi điều chỉnh giảm 24% ước tính NPATMI, đạt mức 550 tỷ đồng (-33% svck) trong năm 2023, tương đương EPS 2023 là 7.511. HAH hiện đang giao dịch với P/E 2023 là 4,5x và P/B là 0,86x.

Trong ngắn hạn, chúng tôi cho rằng lợi nhuận Q1/2023 sẽ giảm đáng kể do sản lượng giảm và giá cước vận tải ở mức thấp.

Rủi ro giảm đối với khuyến nghị của chúng tôi:

- Giá cước và giá thuê tàu điều chỉnh sâu hơn dự kiến.
- Rủi ro đối tác của hợp đồng thuê tàu nếu thị trường suy yếu.
- Khả năng sinh lời thấp khi bắt đầu triển khai tuyến vận tải Nội Á.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: Bloomberg, SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	485	415	701	248
+ Đầu tư ngắn hạn	87	140	140	140
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	633	979	732	717
+ Hàng tồn kho	48	78	60	71
+ Tài sản ngắn hạn khác	34	132	98	98
Tổng tài sản ngắn hạn	1.287	1.745	1.731	1.276
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	113	84	82
+ GTCL Tài sản cố định	1.536	2.744	3.679	5.107
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	7	45	45	45
+ Tài sản dài hạn khác	255	262	199	238
Tổng tài sản dài hạn	1.945	3.305	4.148	5.613
Tổng tài sản	3.232	5.049	5.880	6.889
+ Nợ ngắn hạn	621	910	696	831
Trong đó: vay ngắn hạn	234	318	241	289
+ Nợ dài hạn	710	1.252	1.693	2.229
Trong đó: vay dài hạn	559	1.004	1.504	2.004
Tổng nợ phải trả	1.330	2.162	2.388	3.061
+ Vốn góp	488	703	703	703
+ Thặng dư vốn cổ phần	192	192	192	192
+ Lợi nhuận chưa phân phối	592	1.025	1.373	1.555
+ Quý khác	631	966	1.223	1.378
Vốn chủ sở hữu	1.902	2.887	3.492	3.828
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	3.232	5.049	5.880	6.889
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	790	1.295	1.132	970
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-650	-1.661	-1.200	-1.900
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	124	299	353	477
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	264	-67	286	-453
Tiền đầu kỳ	221	485	415	701
Tiền cuối kỳ	485	415	701	248
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	2,07	1,92	2,49	1,53
Hệ số thanh toán nhanh	1,94	1,69	2,26	1,33
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,92	0,61	1,21	0,47
Nợ ròng / EBITDA	0,32	0,38	0,79	1,35
Khả năng thanh toán lãi vay	21,61	23,26	7,97	4,2
Ngày phải thu	35,6	26,9	31,8	27,4
Ngày phải trả	24,1	23,3	35,2	27,9
Ngày tồn kho	13,8	13	18,6	14,7
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,59	0,57	0,59	0,56
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,41	0,43	0,41	0,44
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,7	0,75	0,68	0,8
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,42	0,46	0,5	0,6
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,12	0,11	0,07	0,08

Nguồn: Công ty, SSI ước tính

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	1.955	3.206	2.385	2.337
Giá vốn hàng bán	-1.241	-1.784	-1.355	-1.620
Lợi nhuận gộp	714	1.422	1.030	717
Doanh thu hoạt động tài chính	26	39	27	44
Chi phí tài chính	-33	-76	-123	-161
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-85	-114	-86	-103
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	642	1.300	852	514
Thu nhập khác	20	-27	0	0
Lợi nhuận trước thuế	662	1.272	852	514
Lợi nhuận ròng	551	1.041	697	420
Lợi nhuận chia cho cổ đông	446	822	550	332
Lợi ích của cổ đông thiểu số	105	219	147	88
EPS cơ bản (VND)	8.767	11.217	7.511	4.529
Giá trị sổ sách (VND)	31.809	32.853	39.364	42.893
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	1.000	1.000	1.000	1.000
EBIT	694	1.330	974	674
EBITDA	858	1.608	1.239	1.146
Tăng trưởng				
Doanh thu	64,1%	63,9%	-25,6%	-2,0%
EBITDA	159,4%	87,4%	-22,9%	-7,5%
EBIT	258,7%	91,5%	-26,7%	-30,8%
Lợi nhuận ròng	275,6%	89,0%	-33,0%	-39,7%
Vốn chủ sở hữu	42,4%	51,8%	20,9%	9,6%
Vốn điều lệ	0,0%	44,2%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	54,3%	56,2%	16,4%	17,2%
Định giá				
PE	7,7	2,9	4,5	7,5
PB	2,1	1	0,9	0,8
Giá/Doanh thu	1,7	0,6	1	1
Tỷ suất cổ tức	1,5%	3,1%	2,9%	2,9%
EV/EBITDA	4,1	1,9	2,5	2,7
EV/Doanh thu	1,8	0,9	1,3	1,3
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	36,5%	44,4%	43,2%	30,7%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	34,2%	41,7%	39,8%	27,1%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	28,2%	32,5%	29,2%	18,0%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	4,3%	3,5%	3,6%	4,4%
ROE	34,0%	43,5%	21,9%	11,5%
ROA	20,7%	25,1%	12,8%	6,6%
ROIC	25,7%	31,5%	16,9%	9,7%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô

trinhthv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Định lượng

Đỗ Nam Tùng

Chuyên viên cao cấp Phân tích Định lượng

tungdn@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8709

Phân tích cổ phiếu KHCN

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp

thanhntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

Chiến lược thị trường

Nguyễn Trọng Đình Tâm

Phó Giám đốc Chiến lược Đầu tư

tamntd@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Phân tích Ngành Logistics

Nguyễn Hoàng Giang, CFA

Trưởng phòng phân tích cổ phiếu

giangnh@ssi.com.vn

SĐT: +84 – 24 3936 6321 ext. 8703

Dữ liệu

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715